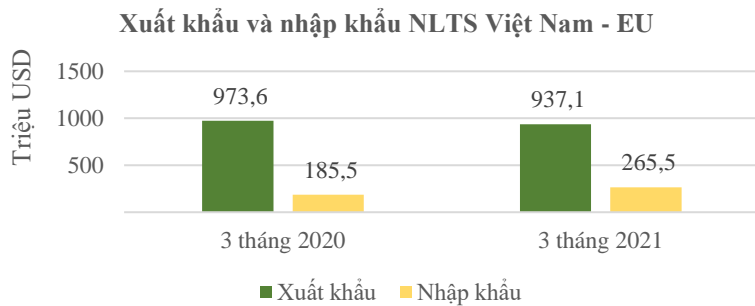


BÁO CÁO TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN

Thị trường Liên minh Châu Âu - EU



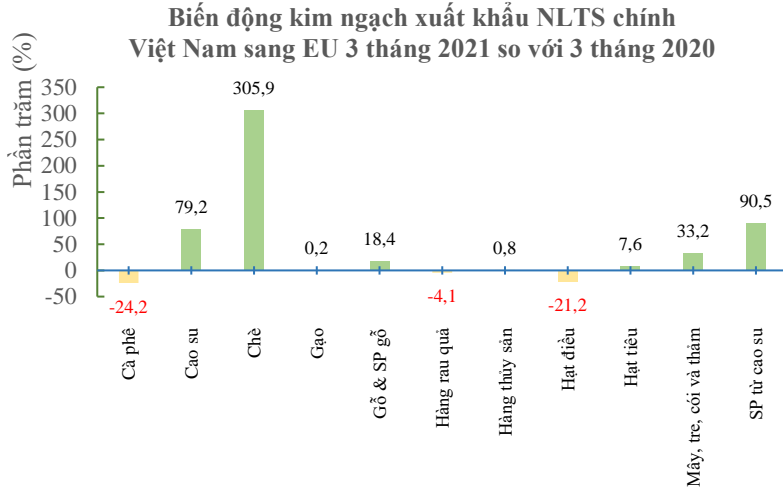
TÌNH HÌNH CHUNG



So sánh xuất nhập khẩu NLTS Việt Nam – EU

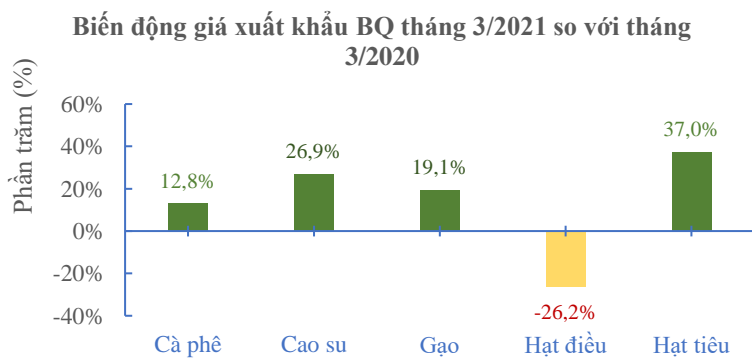
(3 tháng 2020 và 3 tháng 2021)

Xuất khẩu ▼ 3,7%
Nhập khẩu ▲ 43,1%



So sánh 3T2021 với 3T/2020

Cà phê ▼ 24,2%
Cao su ▲ 79,2%
Chè ▲ 305,9%
Gạo ▲ 0,2%
Gỗ và SP Gỗ ▲ 18,4%
Rau quả ▼ 4,1%
Thủy sản ▲ 0,8%
Hạt điều ▼ 21,2%
Hạt tiêu ▲ 7,6%
Mây tre đan ▲ 33,2%
SP từ cao su ▲ 90,5%



So sánh giá xuất khẩu tháng 3/2021 với tháng 3/2020

Cà phê ▲ 12,8 %
Cao su ▲ 26,9%
Gạo ▲ 19,1%
Hạt điều ▼ 26,2%
Hạt tiêu ▲ 37,0%

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

Số liệu mới nhất của Cơ quan Thống kê Liên minh châu Âu (Eurostat) cho thấy, Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) đã giảm 0,6% trên toàn Khu vực sử dụng đồng tiền chung châu Âu (Eurozone) và giảm 0,4% trên toàn Liên minh châu Âu (EU) trong Quý I/2021, theo đó chính thức rơi vào suy thoái 2 quý liên tiếp. Kinh tế Bồ Đào Nha giảm 3,3% trong quý I/2021, tiếp đó là Latvia giảm 2,6% và Đức, nền kinh tế lớn nhất châu Âu, ghi nhận mức giảm 1,7% phần lớn do tác động của các biện pháp phòng chống dịch COVID-19. Tuy nhiên, một số các quốc gia khác cũng ghi nhận tín hiệu lạc quan, khi Lithuania ghi nhận mức tăng 1,8% và Thụy Điển tăng 1,1%. Các nhà kinh tế kỳ vọng châu Âu cũng sẽ có sự tăng trưởng trong thời gian tới khi việc triển khai tiêm chủng vaccine của châu lục này được đẩy nhanh và các biện pháp phong tỏa được nới lỏng. Trước đó, lãnh đạo của 27 quốc gia thành viên EU đã đồng ý thành lập một quỹ hỗ trợ phục hồi kinh tế hậu đại dịch trị giá 750 tỷ Euro (888 tỷ USD) để tái thiết các nền kinh tế EU bị tác động nặng nề bởi khủng hoảng COVID-19. Theo kế hoạch, gói cứu trợ này sẽ bao gồm 500 tỷ EUR (564 tỷ USD) dưới dạng viện trợ và 250 tỷ EUR (282 tỷ USD) cho vay giúp các nước thành viên phục hồi kinh tế do những tác động của đại dịch COVID-19 gây ra.

Liên minh châu Âu (EU) đề xuất các nước thành viên nới lỏng hạn chế đối với việc đi lại không thiết yếu để ngăn ngừa lây nhiễm vi-rút corona, cũng như cho phép khách du lịch nước ngoài đã tiêm vắc-xin đến các nước trong khối. Theo kế hoạch, những người đã tiêm các loại vắc-xin được EU cấp phép có thể vào khối kể cả với mục đích không thiết yếu. Theo đó, kế hoạch này sẽ cho phép việc đi lại từ các quốc gia có tình hình phòng ngừa dịch bệnh tốt. Hiện nay, người từ những nước có tỷ lệ lây nhiễm dưới 25 ca/100.000 dân có thể vào EU mà không cần tiêm chủng. Ủy ban khuyến nghị nới lỏng giới hạn này lên thành dưới 100 ca/100.000 dân. Hiện chỉ có người dân của 7 quốc gia, trong đó có Australia và Hàn Quốc, là có thể vào EU cho dù đã được tiêm chủng hay chưa. Kế hoạch mới nhằm thúc đẩy ngành du lịch của khối trong kỳ nghỉ hè năm nay, và dự kiến sẽ nhận được sự đồng thuận của các nước thành viên trước cuối tháng 5 và đưa ra các quy tắc mới cho việc đi lại vào tháng 6.

Liên minh châu Âu (EU) vừa công bố một kế hoạch chiến lược mới với mục đích giảm phụ thuộc các nhà cung cấp nước ngoài trong một loạt lĩnh vực. Lãnh đạo EU cho biết chiến lược mới sẽ định hướng chuyển đổi nền kinh tế của EU một cách hiệu quả, đồng thời đảm bảo tính cạnh tranh của các ngành chủ chốt trong khối. Các ngành này bao gồm nguyên liệu thô, pin, thành phần dược phẩm hoạt tính, hydro, chất bán dẫn cũng như công nghệ đám mây và công nghệ tiên tiến. Chiến lược mới cũng cho phép cơ quan chống độc quyền của EU điều tra các công ty nước ngoài được nhà

nước hậu thuẫn đang tìm cách mua lại các doanh nghiệp trong khối có doanh thu hàng năm vượt quá 500 triệu euro. Mặc dù tài liệu không đề cập cụ thể đến Trung Quốc, song kế hoạch được công bố ngay sau khi Brussels và Bắc Kinh liên tục có hành động đáp trả nhau bằng các biện pháp trừng phạt, dẫn tới mối quan hệ song phương có chiều hướng xuống dốc. Hồi tháng 3, EU cấm vận 4 quan chức Trung Quốc vì cáo buộc vi phạm nhân quyền tại Tân Cương khiến Bắc Kinh đáp trả bằng lệnh cấm vận lên các chính trị gia, học giả, tổ chức nghiên cứu của EU.

Về thương mại NLTS của EU với Việt Nam, trong 3 tháng 2021, Việt Nam đã xuất khẩu 937,1 triệu USD sang EU, trong khi nhập khẩu 265,5 triệu USD, giảm 3,7% về xuất khẩu nhưng tăng 43,1% về nhập khẩu so với cùng kỳ năm 2020. Trong 3 tháng 2021, về các mặt hàng nông sản xuất khẩu sang EU, cà phê, rau quả, và hạt điều có xu hướng giảm xuất khẩu với tốc độ -24,2%, -4,1%, và -21,2% trong khi cao su, chè, gạo, gỗ và sản phẩm từ gỗ, thủy sản, hạt tiêu, sản phẩm mây tre cói và thảm, sản phẩm từ cao su có xu hướng tăng với tốc độ 79,2%, 305,9%, 0,2%, 18,4%, 0,8%, 7,6%, 33,2% và 90,5%.

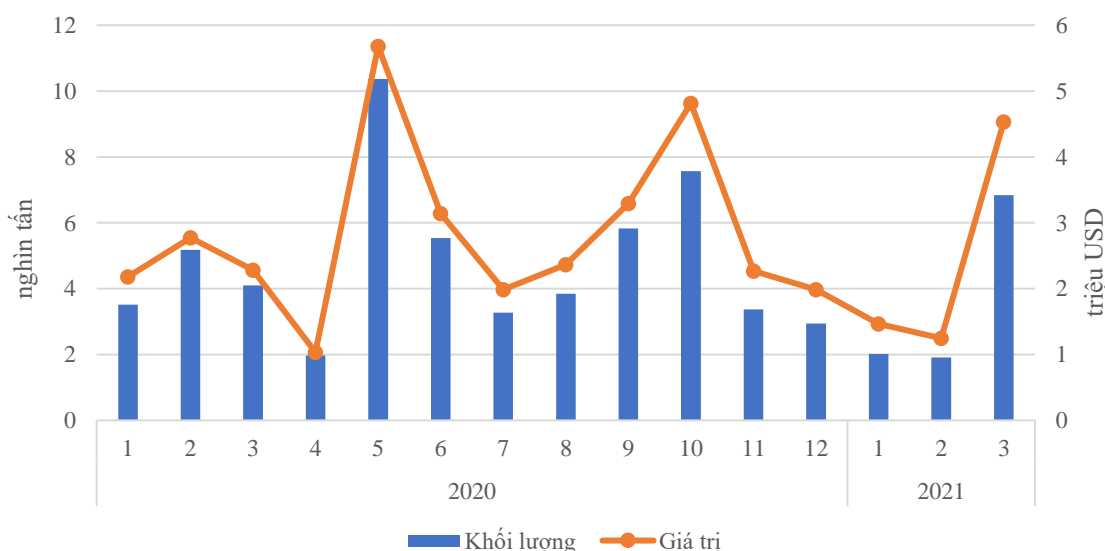
CÁC MẶT HÀNG XUẤT KHẨU CHỦ LỰC

1. LÚA GẠO

Theo dự báo cập nhật tháng 4/2021 của USDA, sản lượng gạo của EU trong năm 2021 vẫn được dự báo là sẽ đạt xấp xỉ so với năm trước với khoảng 2,0 triệu tấn. Về nhập khẩu, lượng gạo nhập khẩu năm 2021 của EU kỳ vọng sẽ đạt 2,45 triệu tấn, tăng 50 nghìn tấn so với năm ngoái.

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 3/2021, Việt Nam xuất khẩu được 6,8 nghìn tấn gạo, trị giá 4,5 triệu USD sang thị trường EU, tăng 259,0% về khối lượng và 263,9% về giá trị so với tháng trước, tăng 66,9% về khối lượng và 98,7% so với cùng kỳ năm 2020. Tổng kim ngạch xuất khẩu sang thị trường này trong 3 tháng đầu năm 2021 đạt 10,8 nghìn tấn, trị giá 7,2 triệu USD, giảm 15,9% về khối lượng nhưng tăng 0,2% về giá trị so với cùng kỳ 2020.

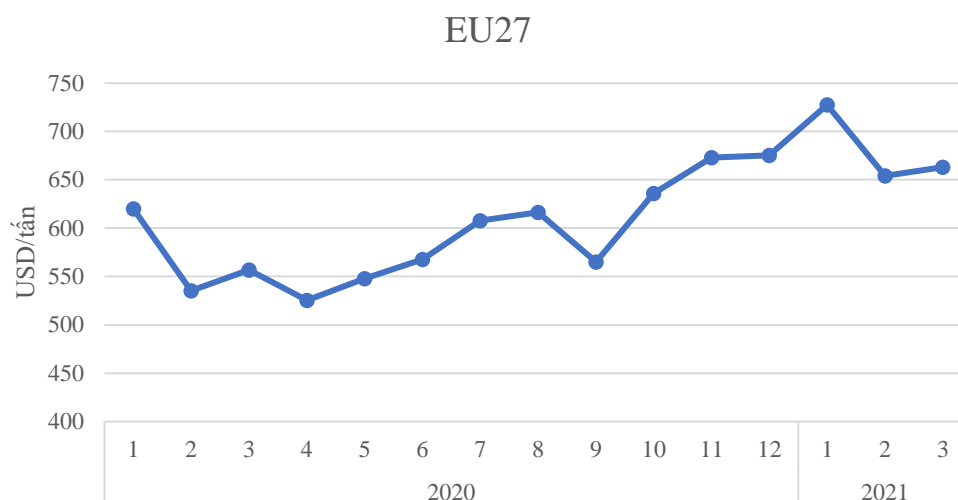
Hình 1: Khối lượng và giá trị xuất khẩu gạo sang thị trường EU



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá xuất khẩu gạo trung bình sang thị trường EU tháng 3/2021 đạt 662,9 USD/tấn, tăng 1,4% so với tháng trước và 19,1% so với cùng kỳ năm 2020.

Hình 2: Giá xuất khẩu trung bình sang thị trường EU

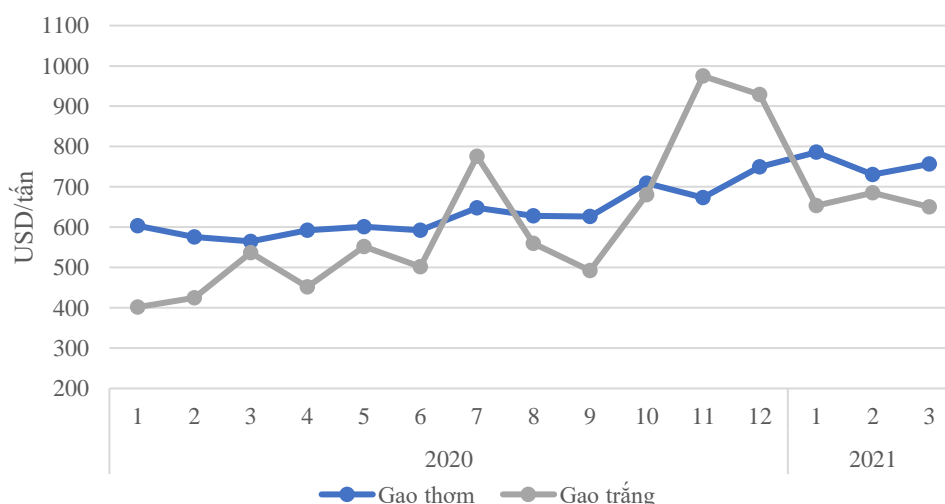


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 3/2021, gạo thơm là mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam sang EU đạt 5,5 nghìn tấn, trị giá 3,7 triệu USD (chiếm 80,9% về khối lượng và 82,1% về giá trị); so với cùng kỳ năm ngoái, xuất khẩu gạo thơm sang EU đã tăng 150,1% về khối lượng và 212,2% về giá trị.

Giá gạo thơm tháng 3/2021 đạt trung bình 757,0 USD/tấn, tăng 3,7% so với tháng trước và 34,0% so với cùng kỳ năm ngoái. Giá gạo trắng đạt 650,5 USD/tấn, giảm 5,1% so với tháng trước nhưng tăng 21,1% so với cùng kỳ năm ngoái.

Hình 3: Giá xuất khẩu gạo thơm và gạo trắng sang thị trường EU



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 3/2021, top 3 công ty xuất khẩu nhiều sang thị trường EU là Công ty TNHH Xuất Nhập khẩu Đại Dương Xanh, Công ty CP Chế biến gạo Viễn Đông, và Chi nhánh Công ty TNHH Olam Việt Nam tại Long An. Ba công ty này lần lượt

chiếm 17,8%, 12,2%, và 9,6% tổng kim ngạch xuất khẩu gạo sang thị trường EU trong tháng 3/2021. So với cùng kỳ năm 2020, kim ngạch xuất khẩu của các công ty này ước tính tăng trưởng như sau: Công ty TNHH Xuất Nhập khẩu Đại Dương Xanh giảm 23,7%, hai công ty còn lại không xuất khẩu sang thị trường này trong tháng 3/2020 nhưng có xuất khẩu trong tháng 02/2021.

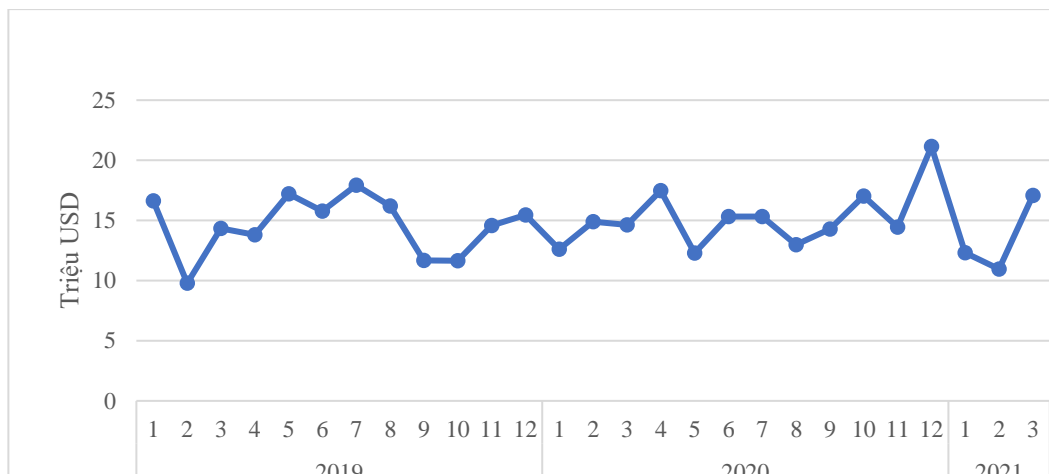
2. RAU QUẢ

Ngày 25/3/2021, Ủy ban Châu Âu giới thiệu Chương trình hành động để thúc đẩy sản xuất hữu cơ. Mục đích của kế hoạch là nhằm thúc đẩy sản xuất và tiêu thụ các sản phẩm hữu cơ, nhằm đạt 25% sản phẩm nông nghiệp hữu cơ vào năm 2030 cũng như gia tăng nuôi trồng các sản phẩm thủy sản hữu cơ. Kế hoạch hành động này phù hợp với Chiến lược xanh của EU, Chiến lược từ trang trại tới bàn ăn và Đa dạng sinh học của EU. Ủy ban châu Âu khuyến khích các quốc gia thành viên phát triển kế hoạch hành động hữu cơ của từng quốc gia để gia tăng thị phần sản xuất nông nghiệp hữu cơ của các trang trại.

Theo Freshplaza, giá chuối vàng trung bình trong 3 tuần đầu tháng 4 tại các nước thành viên EU vẫn tiếp tục được duy trì trong tuần cuối tháng 4 ở mức 119 EUR/100 kg. Mười quốc gia phía đông của EU – nơi chiếm gần 20% sản lượng chuối của châu Âu đã có mức tiêu dùng tăng ở mức 200.000 tấn chỉ trong vòng 5 năm qua. Ba Lan vẫn là thị trường tiêu thụ lớn nhất trong khối, với mức tiêu thụ tăng đột biến, phá vỡ kỷ lục 430.000 tấn trong năm 2020. Quốc gia này hiện là nhà xuất khẩu/nhập khẩu hàng đầu ở Đông Âu. Mặc dù trước đây nguồn cung chuối của Ba Lan chủ yếu là từ các nước Đông Âu (Đức, Bỉ, Hà Lan), nhưng từ năm 2017 đã nhập khẩu từ các nước thành viên khác. Sau một thời gian tăng trưởng mạnh, Rumani đã đạt được mức tiêu thụ ổn định quanh mức 160.000 tấn từ năm 2019. Cộng hòa Séc – một trong những thị trường Đông Âu nhỏ nhất vẫn chưa có bất kỳ sự chuyển đổi nào, tiêu thụ vẫn ổn định ở mức khoảng 130.000 tấn trong 4 năm qua và nguồn nhập khẩu cũng không thay đổi.

Giá trị xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang thị trường EU tháng 3 năm 2021 đạt 17,1 triệu USD, chiếm 4,2% tổng giá trị xuất khẩu, tăng 56,0% so với tháng trước và tăng 16,8% so với cùng kỳ năm 2020 (đạt 14,6 triệu USD). Tính chung ba tháng đầu năm 2021, giá trị xuất khẩu đạt 40,4 triệu USD, chiếm 4,2% thị phần và giảm 4,1% so với cùng kỳ năm 2020 (đạt 42,1 triệu USD).

Hình 4: Giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường EU

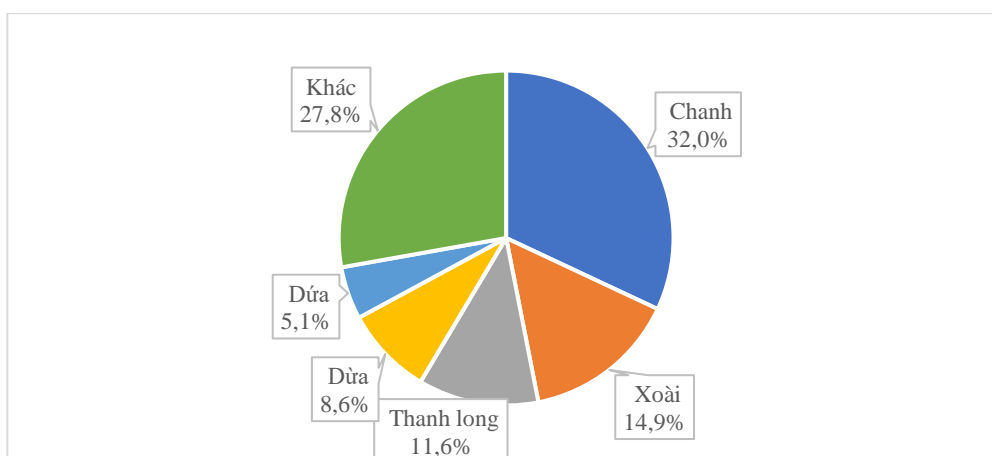


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Cơ cấu xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang EU trong tháng 3 năm 2021 chủ yếu là trái cây (đạt 14,6 triệu USD, chiếm 85,7% tổng giá trị xuất khẩu rau quả sang EU), trong đó các loại trái cây chưa qua chế biến (tươi, khô, đông lạnh...) chiếm tới 59,5% (so cùng kỳ 2020 là 48,4%), trái cây chế biến chiếm 26,1% (cùng kỳ 2020 là 38,1%). Mặt hàng rau đạt 2,4 triệu USD (chiếm 14,3%), trong đó chủ yếu là rau chưa qua chế biến (rau tươi, khô hoặc đông lạnh) với 10,3% (năm 2020 là 9,0%), rau chế biến chiếm 4% (năm 2020 là 4,5%).

Các mặt hàng rau quả có giá trị xuất khẩu cao nhất sang EU trong tháng 3/2021 bao gồm chanh đạt 5,5 triệu USD (chiếm 32,0% tổng giá trị xuất khẩu, tăng 5,8% so với cùng kỳ năm 2020); xoài đạt 2,6 triệu USD (chiếm 14,9%, tăng 154,0%); thanh long đạt 2 triệu USD (chiếm 11,6%, tăng 133,0%); dứa đạt 1,5 triệu USD (chiếm 8,6%, tăng 181,2%); dứa đạt 870,1 nghìn USD (chiếm 5,1%, tăng 43,1%); ...

Hình 5: Cơ cấu một số loại rau quả chính xuất khẩu sang EU tháng 3/2021



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 3/2021, rau quả chế biến đạt 5,2 triệu USD (chiếm 30,1% tổng giá trị xuất khẩu), giảm 17,4% so với cùng kỳ 2020 (đạt 6,2 triệu USD). Tỷ trọng các loại sản phẩm chế biến lần lượt là: (i) nước ép, nước cốt trái cây (mã HS.2009) chiếm 55,7% tổng giá trị xuất khẩu sản phẩm chế biến, giảm 33,7% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019; (ii) trái cây đông lạnh, sấy khô, dẻo (mã HS.2008) chiếm 31,0% (tăng 28,8%); (iii) Rau chế biến (không đông lạnh, mã HS.2005) chiếm 4,2% (tăng 15,0%); ...

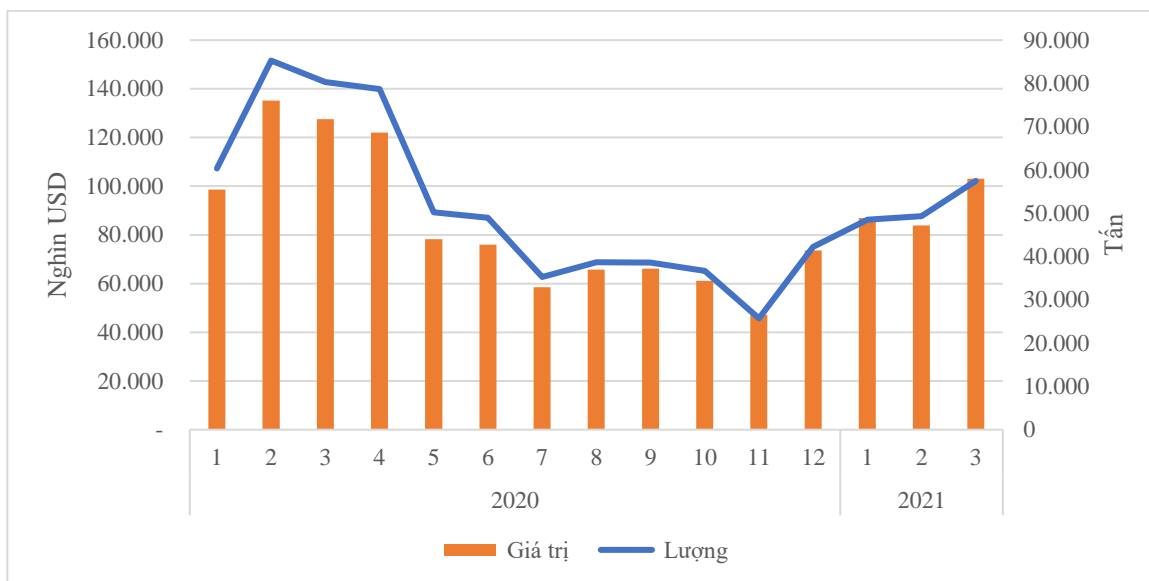
Giá trị nhập khẩu rau quả của Việt Nam từ thị trường EU tháng 3 năm 2021 đạt gần 3 triệu USD, chiếm 2,8% tổng giá trị nhập khẩu, tăng 2,4% so với cùng kỳ năm 2020 (đạt 2,9 triệu USD). Tính chung ba tháng đầu năm 2021, giá trị nhập khẩu đạt 10,6 triệu USD, tăng 2,2% so với cùng kỳ năm 2020 (đạt 10,4 triệu USD). Trong tháng 3/2021, sản phẩm rau quả Việt Nam nhập khẩu nhiều nhất từ thị trường này là táo đạt 1,3 triệu USD (chiếm 44,4%, tăng 15,5% so với cùng kỳ năm 2020); khoai tây đạt 987,8 nghìn USD (chiếm 33,4%, tăng 108,2%); nho đạt 24 nghìn USD (chiếm 0,8%, giảm 81,1%);...

Trong tháng 3/2021, Top 3 công ty xuất khẩu nhiều sang thị trường EU là Công ty TNHH MTV The Fruit Republic Cần Thơ, Chi nhánh Công ty TNHH Olam Việt Nam tại KCN Biên Hòa II và Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Trường Hoàng Lâm Đồng với thị phần xuất khẩu lần lượt là: 6,8%; 6,0% và 5,0%. So với cùng kỳ năm ngoái, kim ngạch xuất khẩu của Công ty TNHH MTV The Fruit Republic Cần Thơ tăng 41,8%, Chi nhánh Công ty TNHH Olam Việt Nam tại KCN Biên Hòa II giảm 54,1% và Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Trường Hoàng Lâm Đồng cao gấp 24 lần.

3. CÀ PHÊ

EU là thị trường xuất khẩu cà phê lớn nhất của Việt Nam, chiếm khoảng 40% giá trị xuất khẩu. Trong tháng 3/2021, xuất khẩu cà phê của Việt Nam vào thị trường EU tăng cả về lượng và giá trị với mức tăng lần lượt là 16,61% và 22,94%. Tuy nhiên, so với cùng kỳ năm trước, xuất khẩu cà phê giảm 28,42% về lượng và 19,23% về giá trị.

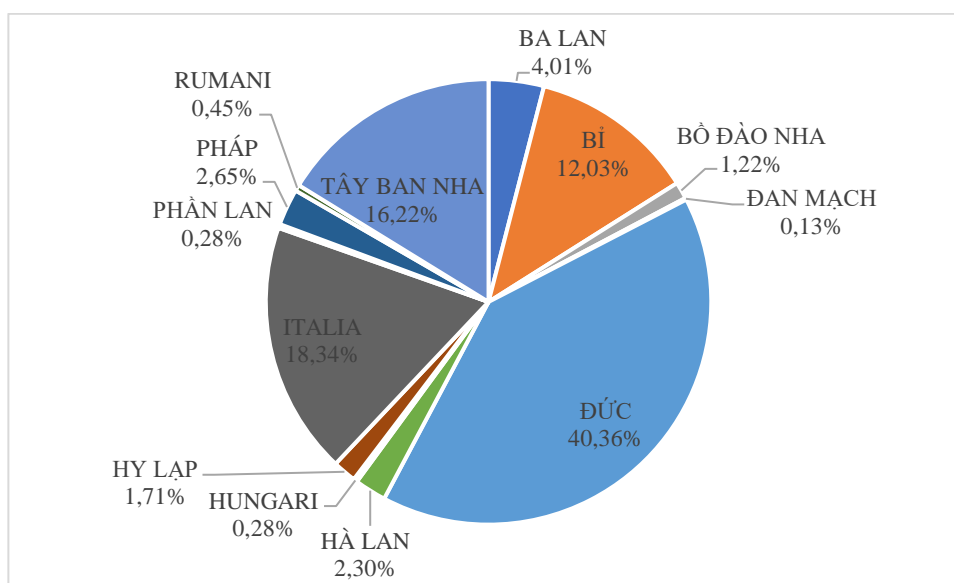
Hình 6: Khối lượng và giá trị cà phê xuất khẩu sang thị trường EU



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Các thị trường nhập khẩu cà phê Việt Nam lớn nhất tại EU trong tháng 3/2020 lần lượt là Đức chiếm tỷ trọng 43% tổng giá trị xuất khẩu sang EU, Italia chiếm 20%, Tây Ban Nha chiếm 12,7%, Bỉ chiếm 9,08%, Ba Lan, Pháp chiếm hơn 4%.

Hình 7: Cơ cấu xuất khẩu cà phê Việt Nam sang các nước EU

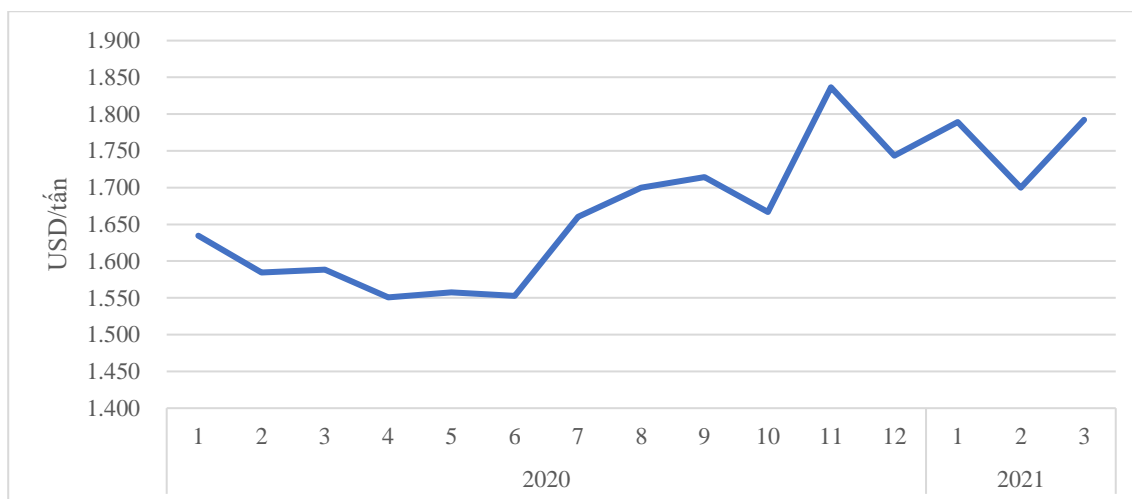


Nguồn: Tổng cục Hải quan

So với tháng trước, một số quốc gia có kim ngạch nhập khẩu cà phê từ Việt Nam tăng, đặc biệt là Bỉ tăng 65%, Ba Lan tăng 35%, Hà Lan tăng 34%, Đức tăng 31%, Hy Lạp tăng 22%. Trong khi đó, một số thị trường có kim ngạch nhập khẩu giảm như Phần Lan giảm 56%, Hungari giảm 53%, Rumani giảm 29%.

Giá cà phê Robusta tại London trong tháng tăng do tình trạng thiếu container và chi phí vận tải tăng cao, cùng với việc lo ngại nguồn cung giảm do Brazil giảm sản lượng. Giá xuất khẩu tháng 3 thị trường EU tăng 5,43% so với tháng trước và tăng 12,84% so với cùng kỳ.

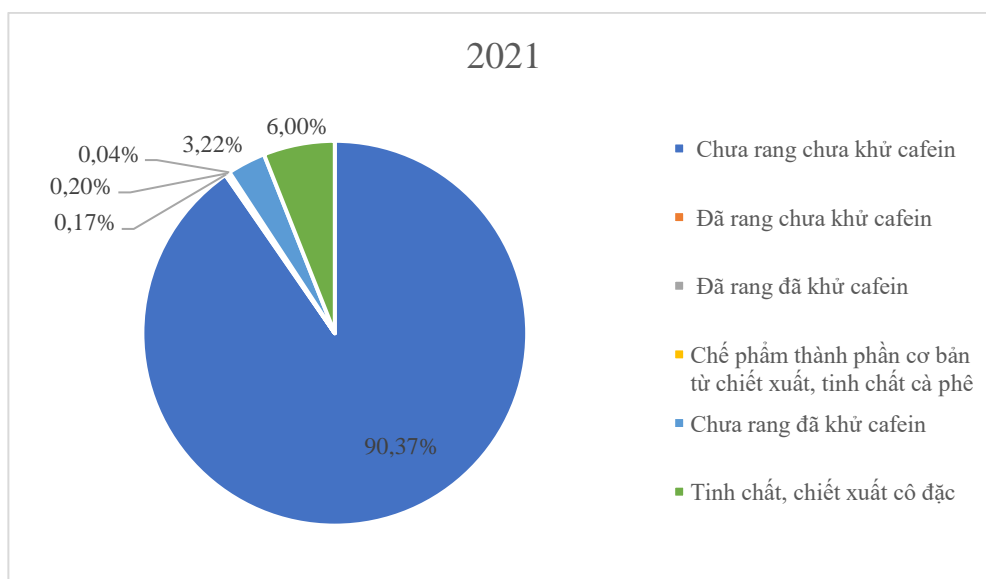
Hình 8: Giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường EU



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Về cơ cấu sản phẩm, cà phê nhân chiếm 93,96% cà phê hòa tan chế biến, tinh chất chiếm 6,04%, cụ thể: cà phê chưa rang, chưa khử caffein (mã HS 090111) chiếm tỷ trọng 90,37%, giảm 21% so với cùng kỳ. Cà phê đã rang, đã khử caffein (mã HS 090112) chiếm tỷ trọng 0,2%, giảm 25% so với cùng kỳ. Trong khi đó, xuất khẩu cà phê chưa rang, đã khử caffein chiếm tỷ trọng 3,22%, tăng 11% so với cùng kỳ. Tinh chất, chiết xuất cô đặc, chiếm tỷ trọng 6%, giảm 3,95% so với cùng kỳ.

Hình 9: Cơ cấu sản phẩm, cà phê xuất khẩu sang EU



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 03/2021, Top 3 công ty xuất khẩu nhiều sang thị trường EU là: Công ty cổ phần Tập đoàn Intimex, Công ty TNHH Newmann Gruppe Việt Nam, Công ty TNHH Volcafe Việt Nam với thị phần lần lượt là: 11,95%; 8,13% và 5,22%.

Thị trường cà phê thế giới đã có nhiều tín hiệu tích cực hơn trong tháng qua, đặc biệt có phiên bất ngờ tăng mạnh, là điều hiếm thấy trong nhiều năm qua. Giá Robusta tiếp đà tăng khi các thị trường cà phê phái sinh có nhiều yếu tố cơ bản hỗ trợ, và đầu cơ ngắn hạn. Đến thời điểm đầu tháng 5, sàn London quay lại tăng mua do dịch bệnh Covid-19 đang bùng phát ở nhiều quốc gia châu Á sẽ khiến việc xuất khẩu cà phê Robusta bị chậm lại.

Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) đã giảm 0,6% trên toàn Khu vực đồng tiền chung châu Âu (Eurozone) trong quý I/2021 và giảm 0,4% trên toàn EU27 (27 nước trong EU). Điều này khiến nền kinh tế châu Âu suy giảm quý thứ hai liên tiếp và rơi vào cuộc suy thoái kép sau khi phục hồi tăng trưởng vào mùa Thu năm ngoái. Liên minh châu Âu (EU) đề xuất các nước thành viên nới lỏng hạn chế đối với việc đi lại không thiết yếu để ngăn ngừa lây nhiễm vi-rút corona, cũng như cho phép khách du lịch nước ngoài đã tiêm vắc-xin đến các nước trong khối. EU dự kiến sẽ nhận được sự đồng thuận của các nước thành viên trước cuối tháng 5 và đưa ra các quy tắc mới cho việc đi lại vào tháng 6. Các nhà kinh tế kỳ vọng châu Âu cũng sẽ có sự tăng trưởng trong thời gian tới khi việc triển khai tiêm chủng vaccine của châu lục này tăng tốc và các biện pháp phong tỏa được nới lỏng.

Từ ngày 19-4, Bồ Đào Nha, Thụy Sĩ, Slovenia, Hi Lạp, Bỉ đã giảm dần các biện pháp phong tỏa. Ngày 23/4, Chính phủ Bỉ đã quyết định tiếp tục nới lỏng các biện pháp hạn chế từ ngày 8/5 tới. Theo đó, các nhà hàng, quán cà phê sẽ được phép mở cửa đón khách trở lại từ 8h - 22h hàng ngày nhưng phải kê bàn ngoài trời cách nhau 1,5m và đảm bảo không quá 4 khách/bàn, trừ những gia đình đồng thành viên. Nhiều quán cà phê, nhà hàng thông báo họ sẽ tăng giá bán khi cửa hàng được phép hoạt động trở lại vào ngày 8/5 để bù đắp cho những thiệt hại và các khoản đầu tư bổ sung được thực hiện trong thời gian phong tỏa do đại dịch COVID-19 gây ra. Ngày 23/4, chính phủ Bỉ cũng đã xác nhận việc giảm thuế VAT xuống 6% trong ngành khách sạn kể từ ngày 8/5 đến ngày 30/9 năm nay. Các quán cà phê ở Anh đã bắt đầu cho phép khách hàng được ngồi lại khu vực phía ngoài trời thay vì phải mang đi. Nhu cầu tiêu thụ cà phê ngoài nhà khả năng sẽ phục hồi phần nào khi các biện pháp nới lỏng phong tỏa có hiệu lực, tuy nhiên WHO cũng cảnh báo về tình trạng dịch bệnh bùng phát trở lại khi các biện pháp giãn cách xã hội không còn nữa.

Tình trạng thiếu container rỗng đã trở nên rất nghiêm trọng trở lại đặc biệt là ở Thượng Hải và các cảng xuất khẩu trong khu vực Châu Á. Cả chỗ và thiết bị container

rõng sẽ rất khó khăn trong tháng tới. Mức cước giao ngay tuyến Châu Á - Bắc Âu đã tăng 24,2% vào tuần cuối tháng 4, lên 2.948 USD/TEU và tăng 28,9% trên tuyến Châu Á - Địa Trung Hải, lên 3.073 USD/TEU. Chi phí vận chuyển tăng cao đẩy giá bán là điều khó tránh khỏi và ảnh hưởng trực tiếp đến giá mua cà phê của người tiêu dùng châu Âu khi các nhà bán lẻ không còn cầm cự được nữa.

Một công ty khởi nghiệp Châu Âu có tên là Vinculum đã khởi động một chương trình thử nghiệm tại vùng đất trồng cà phê của Colombia bằng cách sử dụng trí tuệ nhân tạo (kết hợp GPS, dữ liệu lịch sử) và dữ liệu vệ tinh được thiết kế để giúp nông dân giảm thiểu rủi ro sản xuất và tài chính bằng cách tạo ra các bản đồ và số liệu liên quan đến sản xuất cấp nông trại và tiềm năng, đặc biệt chú ý đến điều kiện khí hậu thay đổi. Thông qua các cuộc thử nghiệm năm ngoái ở El Salvador, hợp tác với Trung tâm Nông nghiệp Nhiệt đới Quốc tế (CIAT), Vinculum đã thiết lập các mô hình AI có khả năng giám sát sản xuất hiện tại trong khi dự đoán sản lượng trong tương lai bằng hình ảnh vệ tinh và các dữ liệu lịch sử khác.

Nestlé, công ty thực phẩm hàng đầu có trụ sở tại Thụy Sĩ đã ghi nhận mức tăng trưởng doanh số bán hàng hữu cơ 7,7% trong quý đầu tiên, nhờ doanh số bán cà phê tăng và sự phục hồi dần dần ở các kênh mua ngoài nhà. Doanh thu ròng trong quý 1 là 21,09 tỷ CHF (23,02 tỷ USD), so với 20,8 tỷ CHF vào cùng thời điểm năm ngoái. Cà phê là mặt hàng đóng góp lớn nhất vào tăng trưởng nhờ nhu cầu mạnh mẽ đối với các sản phẩm Nespresso, Nescafé và Starbucks. Nestlé cũng thu lợi đáng kể từ các sản phẩm sữa và chăm sóc vật nuôi của mình. Bộ phận Nespresso của công ty đã tăng trưởng tự nhiên 17,1%, vào tháng 3, Nespresso đã công bố khoản đầu tư 126 triệu USD vào việc mở rộng trung tâm sản xuất và phân phối Avenches tại Thụy Sĩ để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của người tiêu dùng. Trong ba tháng, sự tăng trưởng diễn ra trên diện rộng ở hầu hết các khu vực địa lý. Doanh số bán hàng tại châu Mỹ đạt 8,24 tỷ CHF (8,99 tỷ USD), tương ứng với mức tăng trưởng hữu cơ 7,2%, cà phê là mặt hàng có mức tăng trưởng thứ hai sau thức ăn chăn nuôi.

Cà phê rang xay, hòa tan hiện đang được các nước trên thế giới ưa chuộng. Đặc biệt, trong đại dịch Covid, khi nền kinh tế của toàn cầu bị ảnh hưởng nặng nề, thì cà phê rang xay, hòa tan cũng đang được nhiều nước trên thế giới ưa chuộng. Rất nhiều quốc gia ở Châu Âu đang giảm nhập khẩu cà phê dạng thô, tăng nhập khẩu dạng đã chế biến. Tuy nhiên thực tế, phần lớn doanh nghiệp xuất khẩu cà phê của Việt Nam đã không kịp thời nắm bắt xu thế này. Chẳng hạn như tại Pháp, thị phần cà phê Việt Nam trong tổng lượng nhập khẩu cà phê của Pháp những tháng đầu năm 2021 đã giảm rất mạnh, chỉ còn chiếm hơn 4%, trong khi các nước trước luôn chiếm hơn 11%. Do lệ thuộc quá nhiều vào xuất khẩu cà phê thô chưa qua chế biến, nên khả năng cạnh

tranh của cà phê Việt Nam tại Pháp nói riêng, các thị trường nội khối liên minh châu Âu nói chung trong năm 2021 sẽ thấp hơn so với các đối thủ khác như Brazil.

Mặc dù vậy, Hiệp hội Cà phê cao Việt Nam vẫn đang kỳ vọng sẽ đưa kim ngạch xuất khẩu cà phê rang xay và cà phê hòa tan lên chiếm 12% trong tổng lượng xuất khẩu cà phê cả nước trong năm nay.

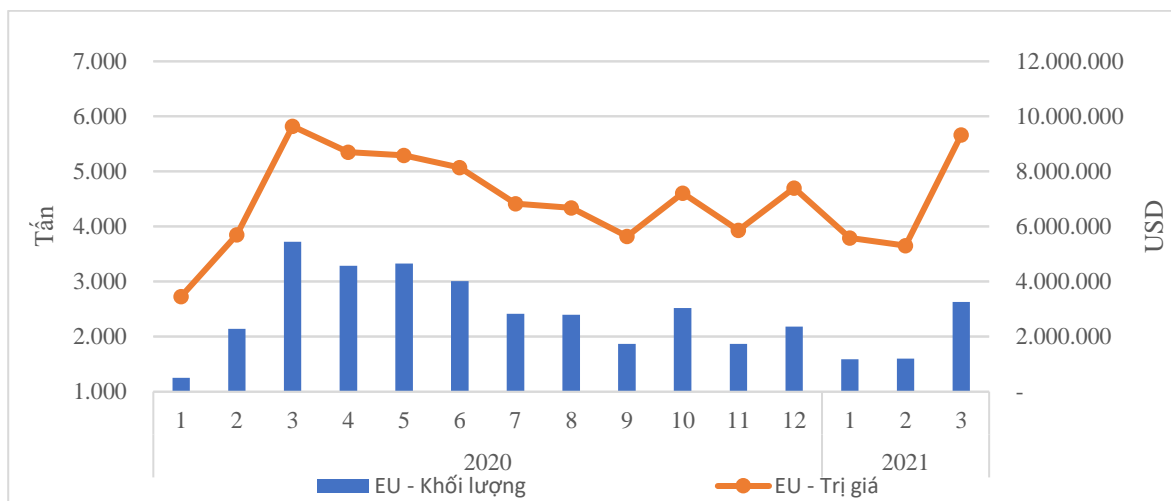
4. HỒ TIÊU

Năm 2020, nhập khẩu Hồ tiêu của Pháp tăng 7% so với năm 2019 với tổng số lượng 12.035 tấn, trong đó tiêu hạt chiếm 78% tương đương 9.412 tấn và tiêu xay chiếm 22% tương đương 2.623 tấn. Chi tiêu cho nhập khẩu Hồ tiêu của Pháp năm 2020 giảm nhẹ 0,3% so với năm 2019 với tổng giá trị 47,1 triệu USD. Do đó, ghi nhận giá trung bình nhập khẩu Hồ tiêu của Pháp là 3.484 USD/tấn đối với tiêu hạt và 5.462 USD/tấn đối với tiêu xay, tức giảm 9% đối với tiêu hạt và tăng 3% đối với tiêu xay so với năm 2019. Top 5 quốc gia cung cấp hồ tiêu hàng đầu cho Pháp là Việt Nam; Brazil; Đức; Indonesia; Hà Lan.

Năm 2020, nhập khẩu Hồ tiêu của Thụy Sĩ ghi nhận mức giảm 6% so với năm 2019 với tổng số lượng là 938 tấn, trong đó tiêu hạt chiếm 53% tương đương 493 tấn và tiêu xay chiếm 47% tương đương 445 tấn. Tổng chi tiêu cho nhập khẩu Hồ tiêu của Thụy Sĩ trong năm 2020 ở mức 7,4 triệu USD, giảm 3% so với năm 2019. Do đó, giá trung bình nhập khẩu Hồ tiêu của Thụy Sĩ là 8.255 USD/tấn đối với tiêu hạt và 7.607 USD/tấn đối với tiêu xay, tức tăng lần lượt 7% và 13% so với năm 2019. Top 5 quốc gia cung cấp hồ tiêu hàng đầu cho Pháp là Việt Nam; Đức; Brazil; Indonesia; Tây Ban Nha.

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 3/2021, Việt Nam xuất khẩu được 2,63 ngàn tấn hồ tiêu với trị giá 9,32 triệu, USD sang thị trường EU, tăng 64,33% về khối lượng và 75,63% về giá trị so với tháng 2/2021. Tuy nhiên, xuất khẩu hồ tiêu sang thị trường này giảm cả về khối lượng và giá trị so với cùng kỳ năm trước lần lượt là 29,35% và 3,24%

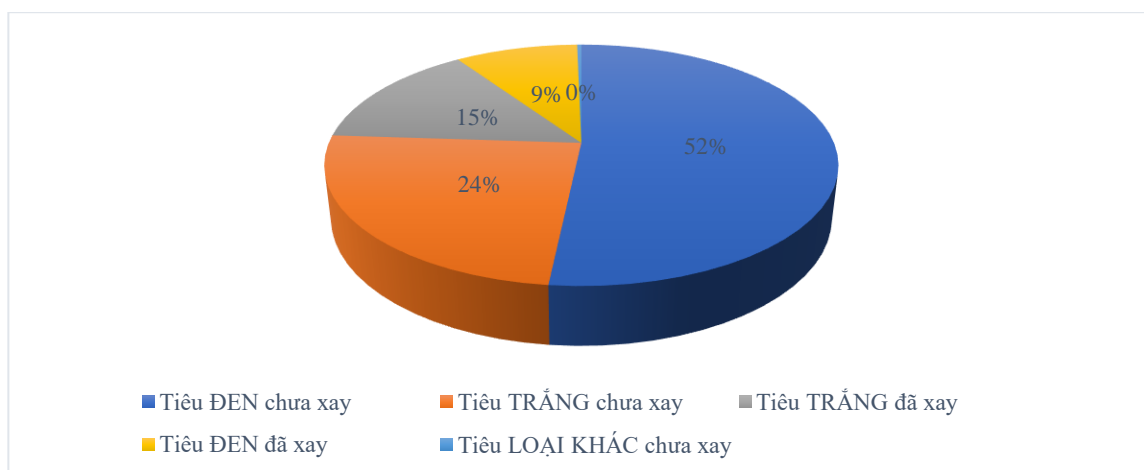
Hình 10: Khối lượng và giá trị xuất khẩu hồ tiêu sang EU, 2020-2021



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Xuất khẩu Hồ tiêu sang thị trường này khá đa dạng về các chủng loại sản phẩm. Tuy nhiên, trong tháng 3/2021, loại hồ tiêu xuất khẩu sang thị trường này chủ yếu vẫn là tiêu đen chưa xay chiếm tới 51,70% tổng giá trị xuất khẩu, đạt 2,19 triệu USD, giảm 10,24% so với tháng 2/2021 và tăng 4,17% so với cùng kỳ năm trước. Đứng thứ hai về kim ngạch xuất khẩu sang thị trường này là tiêu trắng chưa xay, chiếm 24,34%, đạt 1,03 triệu USD, giảm 8,70% so với cùng kỳ năm trước và tăng 4,09% so với tháng trước. Giá trị xuất khẩu một số loại tiêu khác sang thị trường này như sau: Tiêu trắng đã xay đạt 0,61 triệu USD, chiếm 11,42% tổng kim ngạch xuất khẩu, tăng 5,97% so với cùng kỳ năm trước; Tiêu đen đã xay đạt 0,39 triệu USD, chiếm 9,23%, giảm 1,16%; tiêu các loại khác chiếm 0,31%, đạt 0,01 triệu USD, giảm 0,26%.

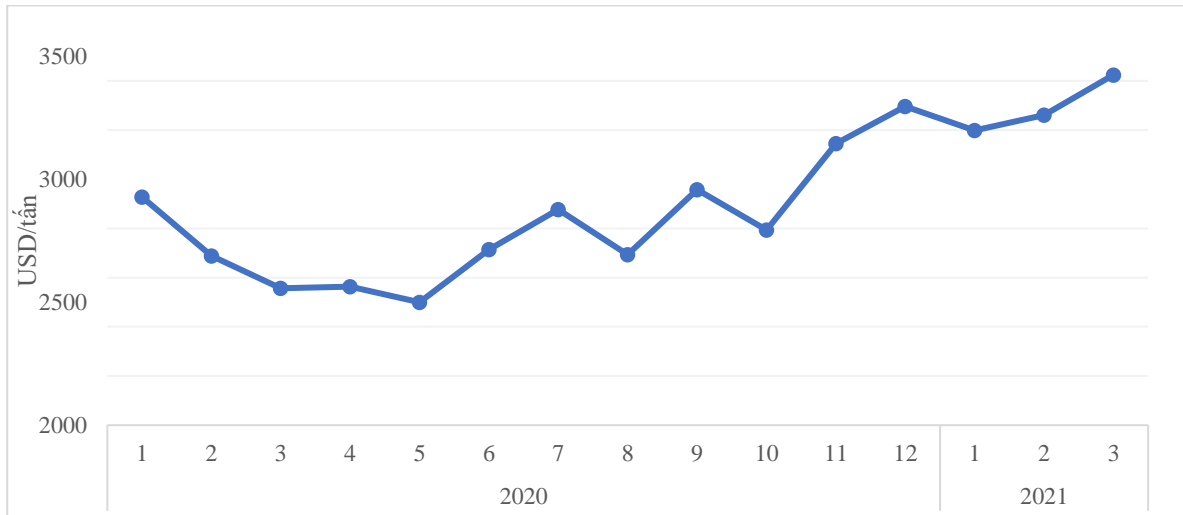
Hình 11: Cơ cấu các loại hồ tiêu xuất khẩu sang EU tháng 3/2021



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá xuất khẩu hồ tiêu trung bình sang thị trường EU tháng 3/2021 có xu hướng tăng nhẹ so với tháng trước cụ thể, giá xuất khẩu tiêu bình quân sang thị trường này đạt 3.424USD/tấn, tăng 5% so với tháng trước và 33,91% so với cùng kỳ năm trước.

Hình 12: Giá tiêu xuất khẩu của Việt Nam sang EU



Nguồn: Tổng cục Hải quan

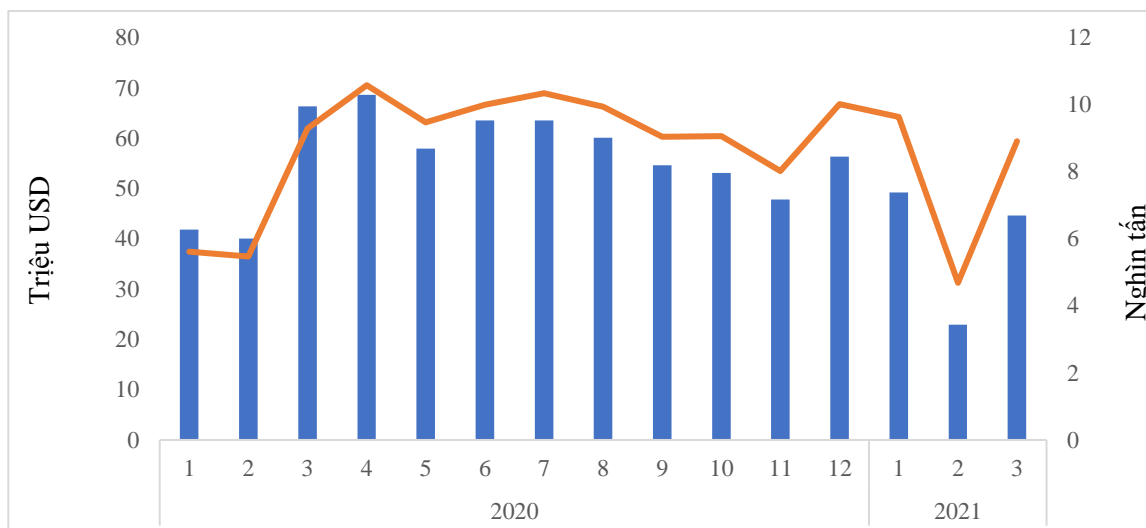
Trong tháng 3/2021, Top 3 công ty xuất khẩu nhiều nhất sang thị trường EU là Chi nhánh Long Bình- công ty TNHH Olam Việt Nam, chiếm 22,68% tổng giá trị xuất khẩu hồ tiêu sang thị trường này; Công ty cổ phần thương mại dịch vụ xuất nhập khẩu Trân Châu chiếm 21,04% và Công ty TNHH chế biến gia vị NEDSPICE Việt Nam chiếm 12,22%.

5. HẠT ĐIỀU

Nhập khẩu điều tại thị trường EU 2 tháng đầu năm có xu hướng giảm nhẹ. Theo hiệp hội điều Việt Nam, 2 tháng đầu năm các quốc gia EU nhập khẩu 22,79 nghìn tấn điều giảm 7,4% so với cùng kỳ năm trước. Nhập khẩu điều từ Việt Nam vẫn chiếm tỷ trọng cao nhất, đạt 17,67 nghìn tấn, tăng 3% so với cùng kỳ năm trước, Bờ Biển Ngà đạt 1,2 nghìn tấn tăng hơn 200%; Ấn Độ đạt 1,4 nghìn tấn giảm 60%

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 3/2020, Việt Nam xuất khẩu được 8,91 nghìn tấn điều, trị giá 44,62 triệu USD sang thị trường EU, giảm 4,1% về khối lượng và 32,8% về giá trị so với cùng kỳ năm trước. Tính hết quý I/2021, giá trị xuất khẩu điều sang thị trường này đạt 116,77 triệu USD, tương ứng với 23,24 nghìn tấn, giảm 21,2 về giá trị nhưng tăng 14% về sản lượng so với cùng kỳ năm trước.

Hình 13: Khối lượng và giá trị xuất khẩu điều sang thị trường EU

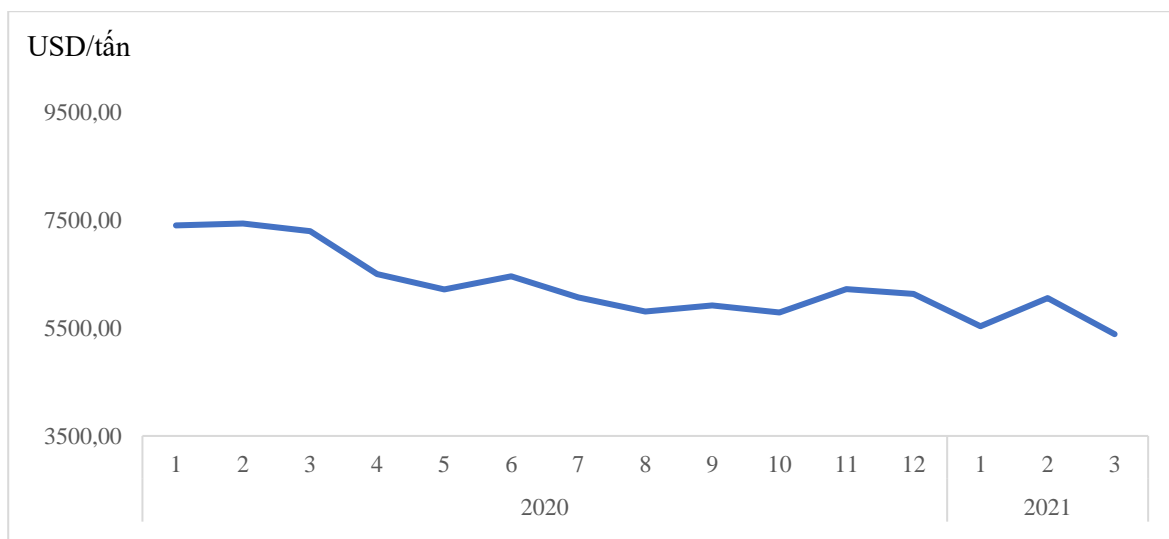


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Xuất khẩu điều sang thị trường này tháng 2/2021 chủ yếu là điều nhân chiếm tỷ lệ 99,2% tương ứng với 53,66 triệu USD, đưa giá trị xuất khẩu loại sản phẩm này quý I/2021 đạt 139,16 triệu USD.

Ngoài sản phẩm chính là điều nhân, một số sản phẩm điều khác cũng xuất khẩu sang thị trường này nhưng với giá trị rất nhỏ là điều lựa và điều qua chế biến chỉ chiếm 0,5%, đạt 0,69 triệu USD.

Hình 14: Giá xuất khẩu trung bình sang thị trường EU



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá xuất khẩu điều sang thị trường EU có xu hướng giảm nhẹ so với tháng trước. Cụ thể, giá điều trung bình xuất khẩu sang thị trường này đạt 5,39 nghìn USD, giảm 11,1% so với tháng 2/2021, và 26,2% so với cùng kỳ năm 2020.

Tháng 3/2021, 3 công ty xuất khẩu điều lớn nhất sang thị trường này bao gồm: Công ty TNHH Điều INTERSNACK Việt Nam chiếm 9,68%; Công ty cổ phần Long Sơn chiếm 4,11; Công ty TNHH OLam Việt Nam chiếm 3,88%.

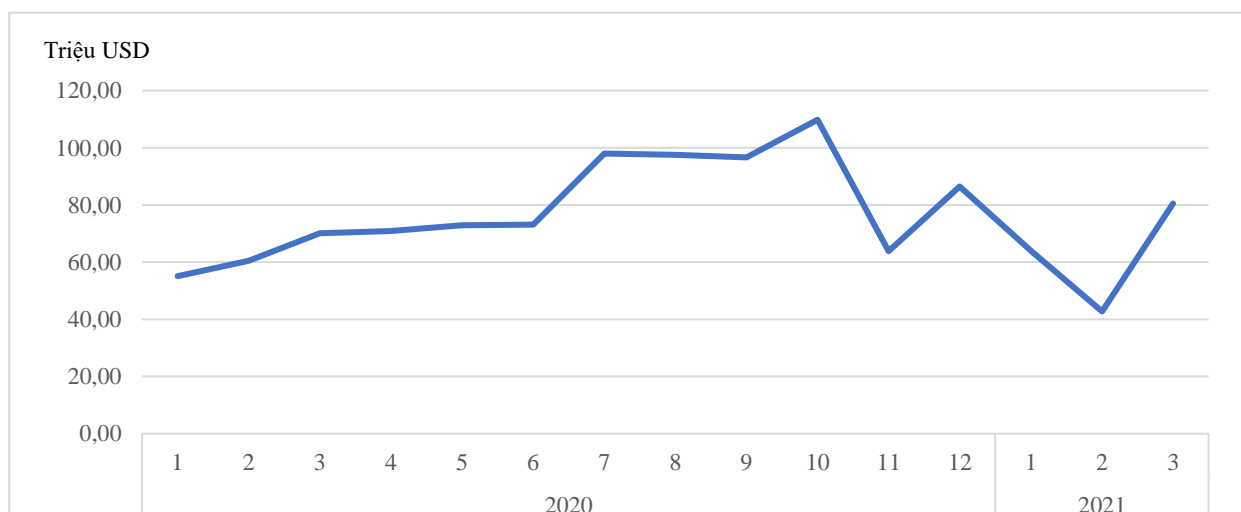
6. THỦY SẢN

Theo Bộ Nông nghiệp, chăn nuôi và đánh cá Ăc-hen-ti-na, sản lượng tôm đở đánh bắt của Ăc-hen-ti-na trong tháng 2/2021 đạt 9.529 tấn, giảm 22% so với cùng kỳ năm 2020. Trong 10 ngày đầu tháng 3/2021, sản lượng tôm đở đánh bắt đạt khoảng 1.308 tấn, chiếm 13% tổng sản lượng tôm đánh bắt trong tháng 3/2020..

Với mục tiêu tăng sản lượng tôm lên 1,4 triệu tấn vào năm 2024, Hiệp hội Chuyên gia Nuôi trồng Thủy sản Ấn Độ (SAP) cho rằng Ấn Độ cần đa dạng hóa thị trường xuất khẩu, tránh phụ thuộc quá nhiều vào thị trường Hoa Kỳ. SAP đã đề xuất Ấn Độ tạo ra chương trình tiếp thị riêng hoặc tham gia vào một sáng kiến toàn cầu để thúc đẩy tiêu thụ tôm tại các thị trường chính. SAP cũng khuyến nghị Ấn Độ tìm cách giành lại thị trường ở châu Âu hoặc Nhật Bản, cũng như đầu tư vào thương hiệu “Sản xuất tại Ấn Độ” để phân biệt với đối thủ cạnh tranh. Họ cũng đề cập đến việc thúc đẩy tiêu thụ nội địa và nhấn mạnh rằng tôm sẽ dễ dàng được chấp nhận do dễ chế biến, miễn là được quảng bá tốt.

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 3/2021, xuất khẩu thủy sản sang thị trường EU đạt 80,46 triệu USD, tăng 14,8% so cùng kỳ năm 2020, và 88,2% so với tháng 2/2021. Tính chung 3 tháng đầu năm xuất khẩu thủy sản sang thị trường này đạt 187,19 triệu USD, tăng 0,8% so với cùng kỳ năm trước

Hình 15: Giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường EU



Nguồn: Tổng cục Hải quan

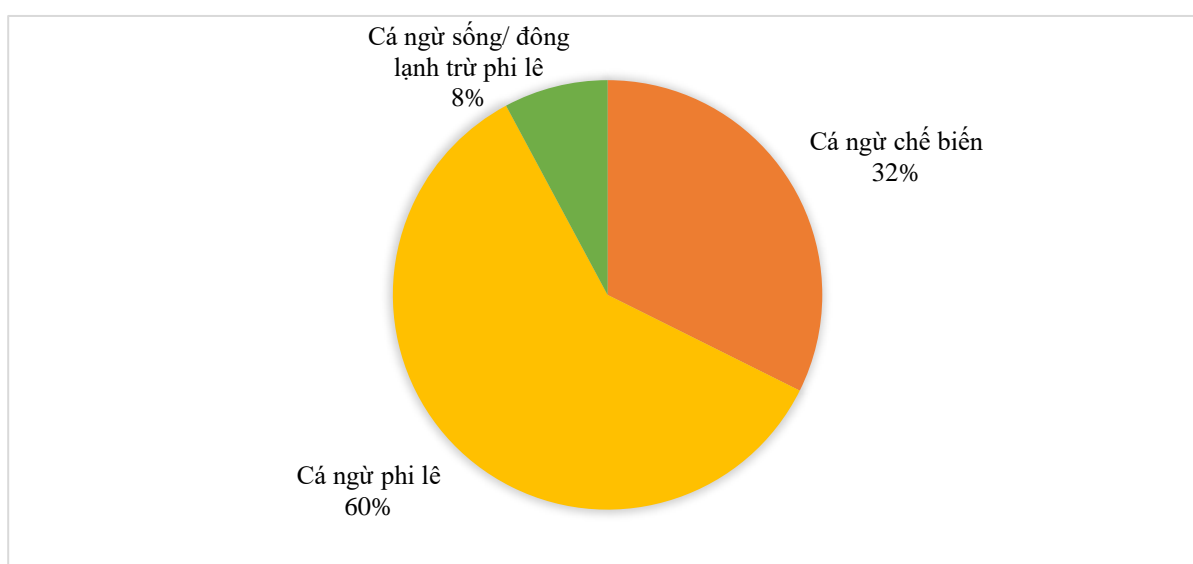
Tính riêng tháng 3/2021, EU là thị trường đứng thứ 3 trong các nước xuất khẩu thủy sản lớn nhất của Việt Nam sau Nhật Bản và Hoa Kỳ, chiếm 13,7% tổng giá trị thủy sản xuất khẩu. Tôm và cá ngừ là hai mặt hàng thủy sản xuất khẩu chính sang thị trường này trong tháng 2/2021. Cụ thể, tôm chiếm 53,6%, cá ngừ chiếm 14,9%, tiếp đến là da trơn chiếm 10,8%.

Đối với mặt hàng tôm, giá trị xuất khẩu tôm đạt 43,15 triệu USD, tăng 26% so với cùng kỳ năm 2020, và 92,4% so với tháng trước, đưa tổng giá trị xuất khẩu tôm sang thị trường này trong quý I/2021 đạt 95,88 triệu USD, tăng 7,4% so với cùng kỳ năm trước.

Tôm xuất khẩu sang thị trường này khá đa dạng về chủng loại. Tính riêng tháng 3/2021, giá trị xuất khẩu tôm thẻ chân trắng sống/đông lạnh đạt 18,84 triệu USD, chiếm 43,7% trong tổng giá trị xuất khẩu tôm sang thị trường này, và tăng 27,8% so với cùng kỳ năm trước; tôm các loại chế biến đạt 19,01 triệu USD, chiếm 44,1%, tăng 27,3%; tôm sú sống/đông lạnh đạt 4,41 triệu USD, chiếm 10,2%, tăng 5,9%; tôm các loại sống/đông lạnh khác đạt 0,89 triệu USD, chiếm 2,1%, tăng 117,9%.

Mặt hàng cá ngừ, giá trị xuất khẩu cá ngừ sang thị trường này đạt 12,3 triệu USD, chiếm 14,9% tổng giá trị thủy sản xuất khẩu sang Châu Âu, tăng 45,9% so với cùng kỳ năm 2020, và 52,2% so với tháng trước. Tính chung 3 tháng đầu năm, giá trị xuất khẩu cá ngừ sang thị trường này đạt 26,80 triệu USD, tăng 18,6% so với cùng kỳ năm trước.

Hình 16: Cơ cấu xuất khẩu cá ngừ sang thị trường EU tháng 3/2021



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tính riêng tháng 3/2021, giá trị xuất khẩu cá ngừ phi lê đạt 5,20 triệu USD, chiếm 43,3% tổng giá trị cá ngừ xuất khẩu vào thị trường này, tăng 5,5% so với cùng kỳ năm trước; cá ngừ chế biến đạt 4,04 triệu USD, chiếm 33,6%, tăng 51,5%; giá trị

xuất khẩu cá ngừ sống/ đông lạnh trừ phi lê đạt 2,78 triệu USD, chiếm 21,3%, tăng 330,2%.

Cá da trơn xuất khẩu sang thị trường này tháng 3/2021 là cá tra (100%) với giá trị xuất khẩu đạt 8,66 triệu USD, giảm 32,5% so với cùng kỳ năm trước và tăng 50,2% so với tháng 2/2021. Tính chung 3 tháng đầu năm, giá trị xuất khẩu mặt hàng này đạt 24,45 triệu USD, giảm 31,3% so với cùng kỳ năm trước. Tháng 3/2021, cá tra phi lê là sản phẩm chủ yếu chiếm 92,8% tổng giá trị cá tra xuất khẩu, đạt 8,04 triệu USD và giảm 34,3% so với cùng kỳ năm trước; cá tra sống/đông lạnh trừ phi lê chiếm 7,2%, đạt 0,62 triệu USD và tăng 5,2% so với tháng 2/2020, và 85,3% so với tháng trước.

Một số mặt hàng thủy sản khác xuất khẩu sang thị trường EU trong tháng 3/2021 như sau: Mực và bạch tuộc đạt 3,38 triệu USD, tăng 12,5%; Cua và ghẹ đạt 0,72 triệu USD, giảm 1,7%; Cá rô phi đạt 0,21 triệu USD, giảm 33,7%; Các loại thủy sản khác đạt 11,78 triệu USD, tăng 15% so với cùng kỳ 2020.

Giá xuất khẩu bình quân một số mặt hàng xuất khẩu thủy sản sang thị trường này trong tháng 3/2021 như sau: Tôm đạt 8,81 USD/kg, giảm 7,7% so với cùng kỳ năm 2020, và giảm 3,2% so với tháng trước; Cá da trơn đạt 2,12 USD/kg, tăng 1,7% so với tháng 3/2020 và giảm 1,5% so với tháng trước; Cá ngừ đạt 8,13 USD/kg, tăng 1% so với tháng 3/2020 và 20,2% so với tháng trước.

Bảng 1: Giá xuất khẩu một số loại thủy sản sang thị trường EU tháng 3/2021

TT	Sản phẩm	Giá (USD)	So năm trước (%)	So tháng trước (%)
1	Cá da trơn	2,12	1,7%	-1,5%
2	Cá ngừ	8,13	1,0%	20,2%
3	Cá rô phi	2,05	-8,6%	-22,2%
4	Cua, ghẹ	6,58	-64,7%	63,1%
5	Mực và bạch tuộc	6,36	19,1%	29,6%
6	Tôm	8,81	-7,7%	-3,2%

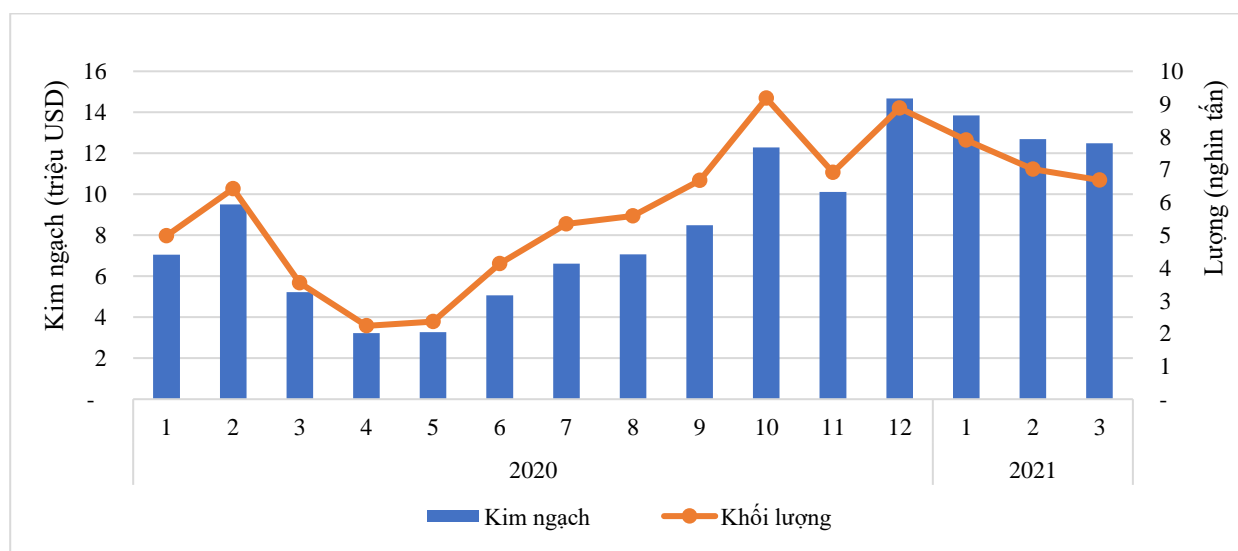
Nguồn: Tính toán từ số liệu Hải quan

7. CAO SU

Tháng 3 năm 2021, Top 3 công ty xuất khẩu nhiều sang thị trường EU là Công ty cổ phần thủy sản Minh Phú chiếm 7,32% tổng kim ngạch xuất khẩu thủy sản sang thị trường này; Công ty cổ phần tập đoàn thủy sản và thương mại Thuận Phát chiếm 4,8%; Công ty cổ phần thủy sản Bình Định chiếm 3,6%.

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 03/2021, xuất khẩu cao su sang thị trường EU ước đạt 6,7 nghìn tấn với trị giá 12,5 triệu USD, giảm 4,7% về khối lượng và 1,6% về giá trị so với tháng trước, tuy nhiên tăng 88,4% về khối lượng và 139,2% về giá trị so với cùng kỳ 2020.

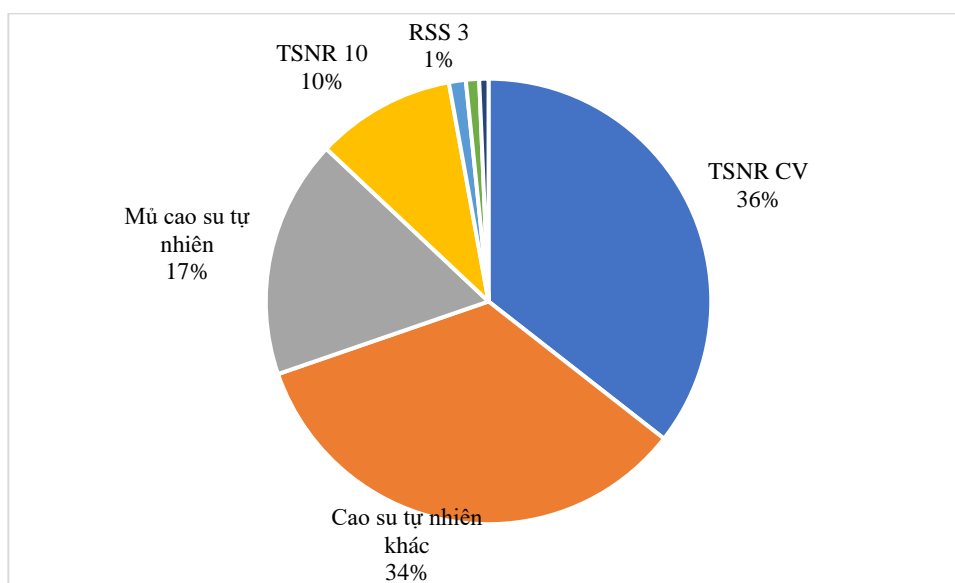
Hình 17: Khối lượng và giá trị xuất khẩu cao su tự nhiên sang thị trường EU



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 03/2021, cao su tự nhiên định chuẩn kỹ thuật TSNR CV là chủng loại cao su tự nhiên (mã HS 4001) có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường EU đạt 4,9 triệu USD, chiếm 35,6% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là mủ cao su tự nhiên với kim ngạch 2,4 triệu USD, chiếm 17,3% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là TSNR 10 và RSS 3, chiếm lần lượt 10,1% và 1,2% tổng giá trị xuất khẩu sang EU.

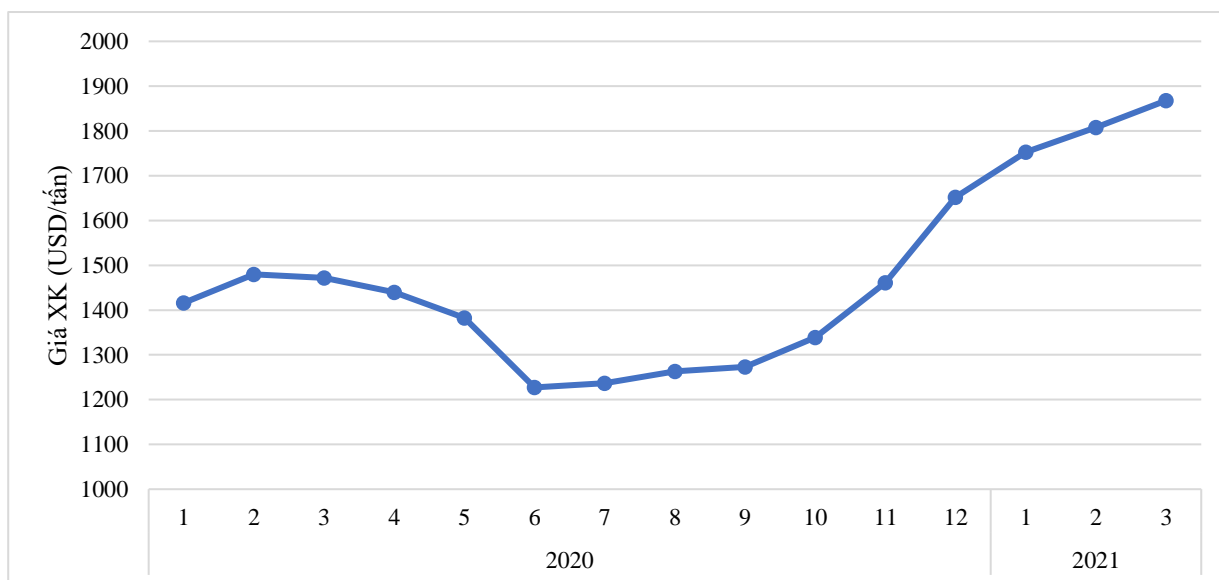
Hình 18: Chứng loại cao su tự nhiên (HS 4001) xuất khẩu sang thị trường EU theo kim ngạch tháng 3/2021



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá cao su xuất khẩu trung bình sang thị trường EU tiếp tục tăng vào thời điểm đầu năm đạt mức 1.868 USD/tấn trong tháng 03/2021 tăng 3,3% so với tháng trước và 26,9% so với cùng kỳ 2020.

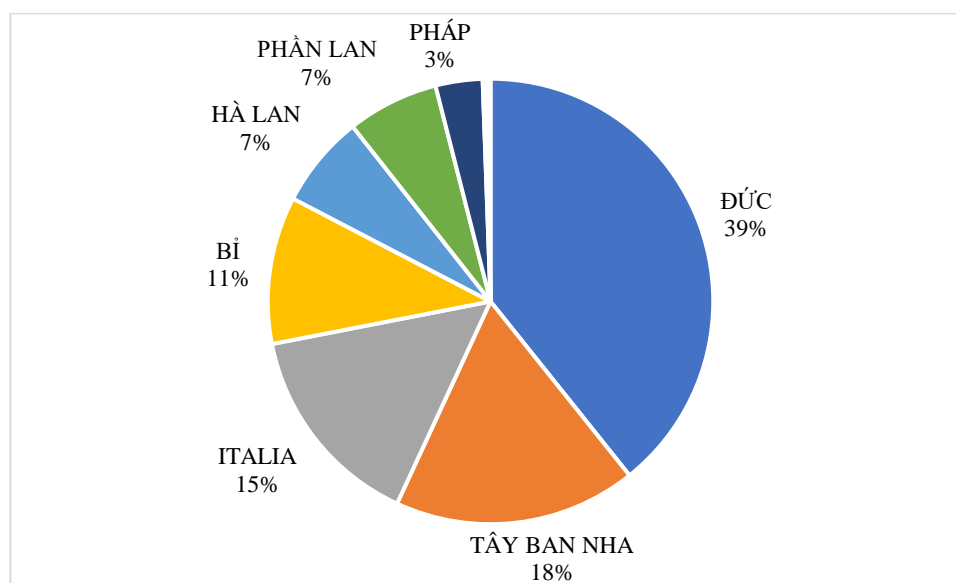
Hình 19: Giá cao su tự nhiên xuất khẩu sang thị trường EU



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 03/2021, Đức là quốc gia nhập khẩu cao su lớn nhất của Việt Nam với 4,9 triệu USD, chiếm 39,3% tổng kim ngạch xuất khẩu cao su của Việt Nam sang thị trường EU. Tây Ban Nha là quốc gia nhập khẩu lớn thứ hai với 2,2 triệu USD, chiếm 17,6%. Tiếp theo là Italia, Bỉ và Hà Lan chiếm lần lượt 15,0%, 10,7% và 6,7% trong tổng kim ngạch cao su xuất khẩu sang thị trường EU.

Hình 20: Xuất khẩu cao su sang một số thị trường chính trong thị trường EU



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 03/2021, top 3 công ty xuất khẩu cao su sang thị trường EU là Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Hoa Sen Vàng, Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Thiện Hưng và Công ty TNHH MTV Cao su Dầu Tiếng. Ba công ty này chiếm tỷ trọng lần lượt 13,5%, 9,8% và 8,1% tổng kim ngạch cao su xuất khẩu sang thị trường EU trong tháng 03/2021

9. GỖ VÀ CÁC SẢN PHẨM TỪ GỖ

Theo Cơ quan Thống kê châu Âu (Eurostat), EU 27 nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ trong năm 2020 đạt 6,94 triệu tấn, trị giá 18,73 tỷ Eur (tương đương 22,1 tỷ USD), tăng 0,2% về lượng và giảm 0,8% về trị giá so với năm 2019. Trong đó, nhập khẩu từ Ba Lan chiếm 26,2%; Trung Quốc chiếm 11,8% tổng lượng nhập khẩu của EU 27 từ tất cả các thị trường.

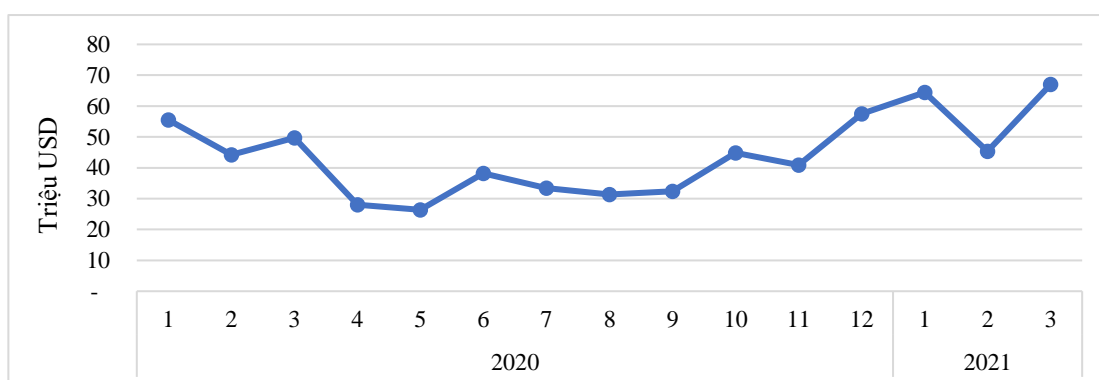
Đồ nội thất phòng khách và phòng ăn là mặt hàng chính trong cơ cấu mặt hàng đồ nội thất bằng gỗ EU 27 nhập khẩu trong năm 2020, với tỷ trọng chiếm 51% tổng lượng đồ nội thất bằng gỗ EU 27 nhập khẩu. Ba Lan, Trung Quốc, Ý, Đức, Litva là những thị trường cung cấp chính mặt hàng đồ nội thất phòng khách và phòng ăn cho EU 27.

Trong cơ cấu mặt hàng đồ nội thất bằng gỗ EU 27 nhập khẩu từ Việt Nam trong năm 2020 thì mặt hàng đồ nội thất phòng khách và phòng ăn là mặt hàng nhập khẩu lớn nhất, đạt 69,24 nghìn tấn, trị giá 205,76 triệu Euro (tương đương 242,8 triệu

USD), giảm 6,2% về lượng và giảm 4,1% về trị giá so với năm 2019. Tiếp theo là mặt hàng ghế khung gỗ, đồ nội thất phòng ngủ, đồ nội thất văn phòng và đồ nội thất nhà bếp.

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 03/2021, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường EU ước đạt 67,0 triệu USD, tăng 47,6% so với tháng trước và tăng 34,9% so với cùng kỳ 2020.

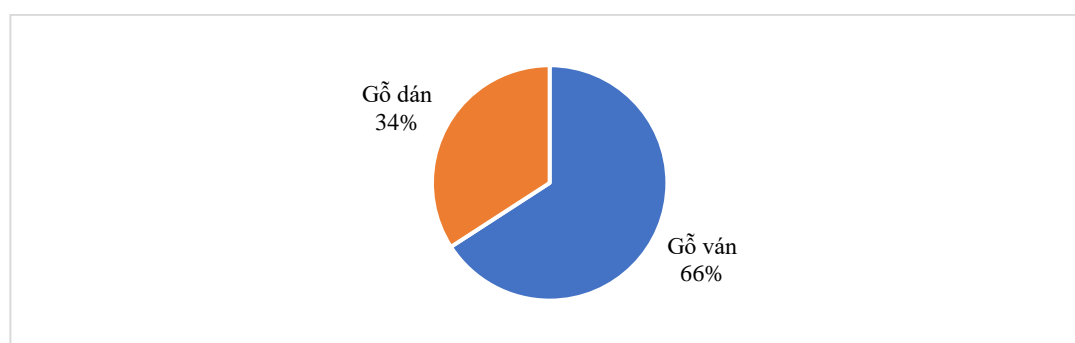
Hình 21: Kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường EU



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 03/2021, gỗ ván là chủng loại gỗ và sản phẩm gỗ thuộc nhóm mã HS 44 có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường EU đạt 1,0 triệu USD, chiếm 65,9% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là gỗ dán với kim ngạch 524,4 nghìn USD, chiếm 34,1% tổng giá trị xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường EU trong tháng 03/2021.

Hình 22: Chủng loại gỗ và sản phẩm gỗ (mã HS 44) XK sang EU tháng 3/2021



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 03/2021, top 3 công ty xuất khẩu sang thị trường EU là Công ty TNHH VinaWood, Công ty TNHH Xuất khẩu Thiên Đức Phát và Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Phương Nam Phát. Ba công ty này chiếm tỷ trọng lần lượt là 61,8%, 16,5% và 6,9% tổng kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ thuộc nhóm mã HS 44 sang thị trường EU trong tháng 03/2021.

NHẬN ĐỊNH VÀ ĐÁNH GIÁ

1. Gạo

Vào tháng 4/2021, EU đã đưa ra thông điệp mạnh mẽ là sẽ ngừng nhập khẩu gạo từ Myanmar nhằm phản đối cuộc đảo chính quân sự tại nước này trong thời gian gần đây. Ngoài ra, EU cũng đang cho rằng chính sách miễn/giảm thuế nhập khẩu gạo đối với Myanmar trong quá khứ không mang lại lợi ích trực tiếp cho người nông dân nước này như kỳ vọng mà chỉ cho những nhà xuất khẩu. Myanmar là một trong Top 4 những nguồn nhập khẩu gạo lớn nhất của EU với tỷ trọng năm 2020 ước khoảng 12,5%. Do đó, việc dừng nhập khẩu gạo từ Myanmar sẽ tạo cơ hội cho các quốc gia xuất khẩu gạo khác, trong đó có Việt Nam, tiếp cận sâu hơn vào thị trường này.

Tuy nhiên, trong tháng 4/2021, chính phủ Thái Lan cho biết sẽ giảm thuế xuất khẩu gạo của nước này tới thị trường EU và Anh. Trong năm 2021, EU đã cấp cho Thái Lan hạn ngạch miễn thuế nhập khẩu là 17.728 tấn gạo và 48.729 tấn tấm trong khi Anh cấp lần lượt 3.737 tấn và 3.721 tấn. Tuy nhiên, để được lọt vào danh sách xuất khẩu này, nhà xuất khẩu gạo Thái Lan phải nộp một khoản phí 2.500 baht/tấn (tương đương 1,8 triệu đồng/tấn) cho Bộ Thương mại nước này. Do đó, việc giảm chi phí xuống 1.500 baht/tấn (tương đương 1,1 triệu đồng/tấn) đối với lô hàng xuất khẩu sang Châu Âu và 1.200 baht/tấn (tương đương 0,9 triệu đồng/tấn) đối với lô hàng xuất khẩu sang Anh, sẽ giúp các nhà xuất khẩu nước này tích kiệm được chi phí và tăng sức cạnh tranh hơn. Tuy nhiên việc gạo Thái Lan tăng sức cạnh tranh ngược lại sẽ có thể tạo áp lực lên các nước xuất khẩu lớn khác trong đó có Việt Nam trong thời gian tới.

2. Cà phê

Theo dự báo của USDA ra vào tháng 12/2020, tiêu thụ nội địa khu vực EU niên vụ 2020/2021 là 45.800 nghìn bao, tăng 0,7% so với niên vụ 2019/2020. Nhập khẩu EU dự báo khoảng 49.000 nghìn bao, tăng 3,92% so với niên vụ 2019/2020. Trong ngắn hạn, thị trường cà phê vẫn kỳ vọng vào giá cà phê Robusta London khi nhu cầu nguyên liệu cho nền công nghiệp sản xuất cà phê hòa tan ngày càng nhiều. Tuy nhiên xu hướng tiêu dùng này hiện chỉ đem lại cho số ít doanh nghiệp Việt Nam có xuất khẩu cà phê chế biến sâu, khả năng cạnh tranh của cà phê Việt Nam tại các thị trường nội khối liên minh châu Âu nói chung trong năm 2021 sẽ thấp hơn so với các đối thủ khác như Brazil.

Giá cà phê có xu hướng tăng cao sẽ là động lực quan trọng để gia tăng giá trị xuất khẩu. Tuy nhiên, việc vận chuyển hàng hóa gặp khó khăn; nhu cầu thị trường chưa hồi phục đồng đều; chi phí đầu vào như logistics tăng cao. Về lý thuyết, khi Hiệp định FTA Việt Nam-EU (EVFTA) được thực thi một cách toàn diện hơn, hiệu quả hơn. ... sẽ tiếp tục tạo điều kiện để hàng hóa của Việt Nam thâm nhập vào các thị trường đối tác với thuế quan ưu đãi, thông qua đó thúc đẩy xuất khẩu tăng trưởng mạnh, tuy nhiên các doanh nghiệp cần phải biết tận dụng các ưu đãi và nâng cao năng lực đáp ứng nhu cầu thị trường.

3. Thủy sản

Hai tháng đầu năm, hoạt động xuất khẩu thủy sản của Việt Nam bị ảnh hưởng đáng kể bởi các chi phí sản xuất tăng và tình trạng thiếu tàu, thiếu container và cước phí vận tải lên cao vọt, đặc biệt là cước tàu đi Mỹ và EU. Xuất khẩu thủy sản sang thị trường này dự báo sẽ tiếp tục khởi sắc trong tháng 4 do từ giữa tháng 3/2021, tình trạng thiếu hụt container được cải thiện. Bên cạnh đó, nhờ ưu đãi thuế quan từ hiệp định EVFTA xuất khẩu thủy sản Việt Nam ở thị trường này đang có nhiều ưu thế về cạnh tranh với một số quốc gia khác.

4. Hồ tiêu

Xuất khẩu Hồ tiêu của Việt Nam sang thị trường này tháng 3/2021 vẫn chưa có nhiều bứt phá. Xuất nhập khẩu trong thời gian tới sẽ tiếp tục khó khăn bởi chi phí đầu vào như logistics, nguyên liệu nhập khẩu tăng cao; các thị trường xuất khẩu nông, thủy sản liên tục đưa ra những thay đổi trong quy định chứng nhận an toàn thực phẩm... Từ tháng 8/2020 cước vận chuyển bắt đầu tăng do hậu quả từ Covid-19. Giá được dự báo giảm trong tháng 3 và đã giảm nhẹ nhưng tháng 4 lại tăng mạnh và nâng lên ở mức giá mới. Giá cước Việt Nam/Indonesia đi các cảng chính ở Mỹ: 6.000 USD/20ft và 11.000 USD / 40ft.

5. Cao su

Ngân hàng thế giới (WB) nhận định, năm 2021, giá cao su có thể tăng trên 3% do chênh lệch cung – cầu. Năng suất cao su có thể giảm đáng kể trong giai đoạn 2021-2022 do nguồn cung cao su thấp hơn trong điều kiện thiếu hụt lao động vì đại dịch, bất ổn tại Thái Lan và bệnh nấm lá ở cây cao su tại Indonesia, Thái Lan, Sri Lanka. Nhu cầu cao su thiên nhiên và cao su tổng hợp của khu vực EU có thể hồi phục mạnh nhờ tăng trưởng của phân khúc xe thương mại, găng tay hay các sản phẩm khác trong mùa dịch.

6. Gỗ và các sản phẩm gỗ

Việt Nam là thị trường cung cấp đồ nội thất bằng gỗ lớn thứ 13 cho EU 27, tuy nhiên, lượng nhập khẩu từ Việt Nam trong năm 2020 chỉ chiếm 1,9% tổng lượng nhập khẩu của EU 27 từ tất cả các thị trường. Do đó, tiềm năng để các doanh nghiệp Việt Nam mở rộng thị trường là vẫn còn rất lớn, trong bối cảnh Hiệp định EVFTA giữa Việt Nam và EU.

PHỤ LỤC

Bảng 2: Xuất khẩu Nông Lâm Thủy sản sang thị trường EU tháng 3/2021

STT	Sản phẩm	Tháng 3/2021 (USD)	Tăng/giảm so tháng trước	Tăng/giảm so cùng kỳ năm 2020	Tỷ trọng
1	Cà phê	103.056.143	22,9%	-19,2%	27,4%
2	Cao su	12.490.108	-1,6%	139,2%	3,3%
3	Chè	249.957	22,0%	838,7%	0,1%
4	Gạo	4.533.255	263,9%	98,7%	1,2%
5	Gỗ và sản phẩm gỗ	67.000.434	47,6%	34,9%	17,8%
6	Hàng rau quả	17.091.048	56,0%	16,8%	4,6%
7	Hàng thủy sản	80.460.307	88,2%	14,8%	21,4%
8	Hạt điều	44.619.222	94,6%	-32,8%	11,9%
9	Hạt tiêu	9.329.887	75,6%	-3,2%	2,5%
10	Sản phẩm mây, tre, cói và thảm	17.465.439	56,0%	60,8%	4,7%
11	Sản phẩm từ cao su	19.262.855	48,5%	79,2%	5,1%
Tổng 11 mặt hàng chính		375,558,656	-33,6%	-32,0%	100,0%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 3: Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng gạo sang EU tháng 3/2021

TT	Loại sản phẩm	Tháng 3/2020		Tháng 3/2021		So sánh 2021/2020 (%)	
		Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng	Giá trị
1	Gạo thơm	2.213	1.192.774	5.534	3.723.432	150,1%	212,2%
2	Gạo Japonica	222	128.570	486	292.567	119,5%	127,6%
3	Các loại gạo khác	1.664	959.834	818	517.257	-50,8%	-46,1%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 4: Giá trị xuất khẩu một số loại rau quả chính sang EU tháng 3/2021

TT	Sản phẩm	Tháng 3/2020	Tháng 3/2021	So sánh
		(USD)	(USD)	T3.2021/T3.2020
	Tổng giá trị XK	14.629.641	17.091.048	16,8%
1	Chanh	5.162.917	5.464.852	5,8%
2	Xoài	1.004.573	2.551.839	154,0%
3	Thanh long	853.914	1.989.688	133,0%
4	Dừa	520.169	1.462.541	181,2%
5	Dứa	608.083	870.053	43,1%
6	Khác	6.479.985	4.752.074	-26,7%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 5: Xuất khẩu sản phẩm thủy sản sang thị trường EU tháng 3/2021

Loại sản phẩm	Tháng 3/2020	Tháng 3/2021	So sánh
	(tr. USD)	(tr. USD)	2021/20 (%)
Cá da trơn	12,83	8,66	-32,5%
Cá ngừ	8,25	12,03	45,9%
Cá rô phi	0,32	0,21	-33,7%
Cua, ghe	0,73	0,72	-1,7%
Mực và bạch tuộc	3,40	3,83	12,5%
Tôm	34,25	43,15	26,0%
Thủy sản khác	10,32	11,87	15,0%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 6: Xuất khẩu sản phẩm cà phê sang thị trường EU tháng 3/2020

Mặt hàng	3/2020	3/2021	So sánh T3/2020 và T3/2021
Đã rang chưa khử cafein	5.527	170.844	2990,85%
Đã rang đã khử cafein	272.854	204.673	-24,99%
Chế phẩm thành phần cơ bản từ chiết xuất, tinh chất cà phê		42.550	N/A
Chưa rang đã khử cafein	2.986.387	3.318.820	11,13%
Tinh chất, chiết xuất cà phê cô đặc	6.440.111	6.185.809	-3,95%
Tổng	127.599.132	103.056.143	-19,23%

Nguồn: Tổng cục Hải quan